

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/DS-ST

Ngày: 16-8-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng sử  
dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích.

2. Ông Phú Minh Thông

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 300/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4681/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5555/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lã Ngọc M**, sinh năm 1970; địa chỉ: **1 Tổ C, khu phố B, phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 622/2023/UQ-TGD ngày 28/3/2023) – Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông **Lê Hoàng Nhất L**, sinh năm 1993; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng:

B Lô D, Chung cư C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S có ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/8/2020, ông Lê Hoàng Nhất L có ký với Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 526830-2488 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông Lê Hoàng Nhất L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.695.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.266.500 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện Linh hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/08/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.274.157 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông L, yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông L trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông Lê Hoàng Nhất L phải trả ngay cho Ngân hàng thẻ tín dụng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2023 là 33.532.301 đồng, trong đó: Nợ gốc 17.274.157 đồng, nợ lãi quá hạn 16.258.144 đồng. Ông Lê Hoàng Nhất L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.



- Bị đơn là ông **Lê Hoàng Nhất L** trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện ông **Lê Hoàng Nhất L** tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo kết quả xác minh của **Công an phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** thì “**Lê Hoàng Nhất L** sinh năm 1993 đăng ký tạm trú tại **B lô D, phường C, Quận A**. Nhà 204 lô D giải tỏa năm 2015 về 19 **đường số E, ấp D, xã B, huyện B**, đến nay”; kết quả xác minh của **Công an xã B, huyện B** thì ông “**Lê Hoàng Nhất L**, sinh 1993 không có đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại **A đường số E KDC T, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**”, xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại **Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông **Lê Hoàng Nhất L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### ***Về áp dụng pháp luật nội dung:***

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông **Lê Hoàng Nhất L** thanh toán số tiền nợ gốc và nợ quá hạn lãi tính tới ngày 16/8/2023 là 33.532.301 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Ông **Lê Hoàng Nhất L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Bản sao công chứng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 14806992 ký ngày 14/8/2020; bản Sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông **L** từ 22/8/2020 đến ngày 16/8/2023; biểu phí sản phẩm dịch vụ **T** phát hành tại Việt Nam; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng; bản photo biên lai thư của Ngân hàng gửi tài liệu, chứng cứ khởi kiện cho ông **L**; bản photo có đóng dấu treo của **Công ty Q** nợ và Khai thác tài sản **Ngân hàng S** về Thông báo khởi kiện của Ngân hàng gửi tới ông **L**.

[5] Xác định **Ngân hàng TMCP S** có cho ông **Lê Hoàng Nhất L** vay tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 14806992 ký ngày 14/8/2020 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ đăng ký: Thẻ Mastercard Gold phát hành mới, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,2%/năm. Theo đó ông **L** được cấp thẻ tín dụng số 526830-2488, hạn mức thẻ 15.000.000 đồng, quá trình sử dụng thẻ, ông **L** đã sử dụng 41.695.000 đồng, thanh toán được 29.266.500 đồng, còn lại 17.274.157 đồng, do ông **L** không thanh toán tiền theo đúng quy định nên ngày 23/8/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, chốt số nợ gốc là 17.274.157 đồng.

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 23/8/2021, Ngân hàng đã ra Thông báo chuyển nợ quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, yêu cầu ông **L** phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng; việc chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay quá hạn và thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; lãi, lãi suất chậm trả tại thời điểm xét xử sơ thẩm xác định theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.



[7] Từ những nhận định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 14806992 ngày 14/8/2020 là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 18, 20, 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có căn cứ để được chấp nhận.

[8] Số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 14806992 ngày 14/8/2020 là 33.532.301 đồng, gồm: nợ gốc là 17.274.157 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 16/8/2023 là 16.258.144 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí dân sự sơ thẩm là 1.676.615 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Hoàng Nhất L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 17.274.157 đồng và nợ lãi tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2023 là 16.258.144 đồng. Tổng cộng là 33.532.301 đồng.

Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 17/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Hoàng Nhất L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 14806992 ngày 14 tháng 8 năm 2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.676.615 đồng, ông **Lê Hoàng Nhất L** chịu.

**Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 760.834 đồng theo biên lai số AA/2023/0043495 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: **Ngân hàng TMCP S**, ông **Lê Hoàng Nhất L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thị**